TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TĨNH GIA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Xuân Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Bà Dương Thị Hằng

- Thư ký phiên toà*:* Ông Trịnh Huy Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T - Sinh năm:1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trần Anh T - Sinh năm:1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 và bản tự khai nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Anh T kết hôn ngày 24/11/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên sảy ra va chạm, anh T hay cáu gắt, chửi mắng, uống rượu và có hành vi ngược đãi đánh đập chị T ngay cả khi chị T đang mang thai dẫn đến chị T bị sẩy thai. Đến ngày 21/02/2015 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở và

sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn.

- Về con chung: Chị T Trình bày vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh T nhưng anh T không hợp tác làm việc. Hiện nay anh T trốn tránh không có mặt tại địa phương.

* Tại biên bản xác minh ngày 15 / 3 / 2018 ông Trần Mạnh H là bố đẻ của anh T trình bày: Anh T và chị T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do chị T nhắn tin liên lạc với người yêu cũ, anh T phát hiện được nên đã cãi nhau. Đầu tháng 2 năm 2015 chị T đã bỏ đi khỏi nhà cho đến nay, không quan tâm gì đến chồng và gia đình nhà chồng.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý Kiến KSV: Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, hội thẩm nhân dân và thư ký đã tuân theo đúng trình tự của bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T không có con chung.

Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không đến tòa án trình bày quan điểm nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Chị Vũ Thị T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 24/11/2014 được UBND xã B, huyện G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh T và chị T sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm trong cuộc

sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, không quan tâm đến nhau. khi mâu thuẫn lên đỉnh điểm thì chị T bỏ đi khỏi nhà chồng và sống ly thân từ tháng 2 năm 2015 đến nay. Anh T và chị T chỉ sống với nhau được 3 tháng nhưng đã ly thân hơn 3 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử thấy rằng Xây dựng gia đình hạnh phúc phải dựa trên tình cảm yêu thương nhau nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể có hạnh phúc được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn anh T để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung**:** Chị T và anh T không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không trình bày quan điểm nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí toà án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trần Anh T.

- Về con chung: Chị T và anh T không có con chung.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết, anh T không thể hiện quan điểm nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002507 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng **Nguyễn Quang Học** **Ngô Xuân Dũng**

Nơi nhận
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- UBND xã Nghi Sơn;
- Các đ¬ng sù;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Xuân Dũng